

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãnh Văn Việt.

Ông Vũ Ngọc Côn .

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Nam là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 11/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vi Thị T**, sinh ngày 10 tháng 6 năm 1994.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân: 024194009672.

- Bị đơn: Anh **Tàng Văn T1**, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1990.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cước công dân: 024090013607.

(Chị Vi Thị T và anh Tàng Văn T1 đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18-12-2025 và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tàng Văn T1 kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh) vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng

sống chung cùng nhau tại thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2025 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không còn tình cảm, không bảo ban được nhau, thường xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2025 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh Tăng Văn T1, tình cảm vợ chồng đã hết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tăng Văn T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có hai con chung là Tăng Trung H, sinh ngày 27-12-2014 và Tăng Thị Như H1, sinh ngày 24-01-2019. Nay ly hôn chị nhất trí để anh T1 nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai khai, bị đơn là anh Tăng Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vi Thị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND xã L, tỉnh Bắc Ninh) vào năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T tự ý bỏ đi và có quan hệ với người khác. Nay chị T làm đơn đề nghị ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là Tăng Trung H, sinh ngày 27-12-2014 và Tăng Thị Như H1, sinh ngày 24-01-2019. Nay ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-01-2026, cháu Tăng Trung H trình bày: Hiện cháu đang sống với bố và đang học tại trường Trung học cơ sở Đ. Trường hợp bố mẹ không sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng sống cùng bố là Tăng Văn T1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10-02-2026, cháu Tăng Thị Như H1 trình bày: Hiện cháu đang sống với bố và đang học lớp 1B tại trường Tiểu học Đ. Trường hợp bố mẹ không sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng sống cùng bố là Tăng Văn T1.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Vi Thị T, bị đơn anh Tăng Văn T1 đều vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố lời khai, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1 Luật

số 85 của Quốc Hội; các Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị T. Cho chị Vi Thị T được ly hôn anh Tăng Văn T1.

- Về con chung: Giao cho anh Tăng Văn Thế L người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung là Tăng Trung H, sinh ngày 27-12-2014 và Tăng Thị Như H1, sinh ngày 24-01-2019. Chị Vi Thị T được quyền thăm non con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vi Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết về nuôi con chung với anh Tăng Văn T1. Bị đơn anh Tăng Văn T1 hiện đang cư trú tại thôn Đ, xã L, tỉnh Bắc Ninh. Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị T, bị đơn anh Tăng Văn T1 vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Vi Thị T và anh Tăng Văn T1 tự nguyện kết hôn, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Bắc Ninh) vào năm 2014. Như vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình chung sống chị T anh T1 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, xích mích. Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau. Anh T1 cũng xác định cuộc sống có mâu thuẫn và nhất trí ly hôn với chị T. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm

sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị T và anh T1 đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình thì thấy rằng: Tình trạng của vợ chồng chị T, anh T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần cho chị T được ly hôn với anh T1.

[5] Về con chung: Chị Vi Thị T và anh Tàng Văn T1 có hai con chung là Tàng Trung H, sinh ngày 27-12-2014 và Tàng Thị Như H1, sinh ngày 24-01-2019. Hội đồng xét thấy: Hiện nay các con chung đang ở với anh T1, được chăm nom, chăm sóc đầy đủ và đi học bình thường; con đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố. Anh T1 có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung phát triển bình thường, chị T cũng đồng ý để con chung cho anh T1 nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho anh Tàng Văn T1 người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng hai con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Vi Thị T, anh Tàng Văn T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết ly hôn, con chung, nghĩa vụ chịu án phí giữa chị Vi Thị T và anh Tàng Văn T1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án;

- Điều 4 và 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

- Điều 6 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn anh Tăng Văn T1.

- Về con chung: Giao con chung là Tăng Trung H, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2014 và Tăng Thị Như H1, sinh ngày 24 tháng 01 năm 2019 cho anh Tăng Văn T1 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, chị Vi Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000281 ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác định chị Vi Thị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn là chị Vi Thị T, bị đơn là anh Tăng Văn T1 không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 5 - Bắc Ninh;
- UBND xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Minh